

Số: *416* /BC-VPĐKĐĐ

Tây Ninh, ngày *12* tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công khai thực hiện dự toán thu chi Quý 4 năm 2024 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh báo cáo tình hình thực hiện công khai thực hiện dự toán thu chi Quý 4 năm 2024 theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

I. Tình hình công khai thực hiện dự toán thu chi Quý 4 năm 2024 tại Văn phòng Đăng ký đất đai:

- Số đơn vị chưa công khai ngân sách: Không có.
- Số đơn vị thực hiện công khai ngân sách: Chi tiết theo biểu sau

STT	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
I	Đơn vị dự toán trực thuộc	x		x		x	
1	Văn phòng Đăng ký đất đai	x		x		x	

II. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định: Không có.

Nơi nhận: *kh*

- Sở TN&MT;
- Lưu :VT, KT.

GIÁM ĐỐC



Trần Quang Khải

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 12 tháng 02 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI QUÝ 4 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh công khai thực hiện dự toán thu chi Quý 4 năm 2024, cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện Quý 4/2024	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5 = 4/3	6
A	Tổng số thu,chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	59.200	15.324,88	25,9	102,8
1	Lệ phí	4.300	1.001,24	23,3	92,6
	Lệ phí địa chính	4.300	1.001,24	23,3	92,6
2	Phí	54.900	14.323,64	26,1	103,6
	Phí Giao dịch bảo đảm	3.900	966,34	24,8	94,4
	Phí Khai thác tài liệu	1.000	263,77	26,4	117,1
	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN	50.000	13.093,53	26,2	104,1
II	Số phí, lệ phí nộp NSNN	15.580	3.945,09	25,3	100,8
1	Lệ phí	4.300	1.001,24	23,3	92,6
	Lệ phí địa chính	4.300	1.001,24	23,3	92,6
2	Phí	11.280	2.943,85	26,1	103,9
	Phí Giao dịch bảo đảm	780	193,26	24,8	94,4
	Phí Khai thác tài liệu	500	131,89	26,4	117,1

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện Quý 4/2024	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5 = 4/3	6
	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN	10.000	2.618,71	26,2	104,1
III	Số phí trích để lại	43.620	11.379,79	26,1	103,5
	Phí Giao dịch bảo đảm	3.120	773,08	24,8	94,4
	Phí Khai thác tài liệu	500	131,89	26,4	117,1
	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN	40.000	10.474,82	26,2	104,1
IV	Số tồn quý trước chuyển sang		18.354,58		98,7
V	Tổng số được sử dụng	43.620	29.734,37		100,5
VI	Tiết kiệm 5% theo NQ119		1.369,11		
VII	Chi từ nguồn thu phí được để lại	24.453,21	4.739,96	19,4	138,3
1	Quỹ lương	16.320,23	3.167,44	19,4	153,9
a	Quỹ lương biên chế	6.918,98	29,80	0,4	5,5
b	Quỹ lương HĐLĐ	9.401,25	3.137,64	33,4	206,7
2	Chi thường xuyên	8.132,98	1.572,52	19,3	114,8
VIII	Chênh lệch thu chi nguồn phí	19.166,79	23.625,30	123,3	90,3
1	Trích CCTL	191,67	236,25	123,3	90,3
2	Trích các quỹ	18.975,12	23.389,05	123,3	90,3
B	Dự toán chi NSNN				
I	Nguồn ngân sách trong nước	98,00		-	
5	Chi bảo đảm xã hội - Tiền tết UB (Loại 370 - Khoản 398)	98,0		-	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	98,0		-	
C	Tổng số thu,chi nguồn dịch vụ				
I	Tổng thu dịch vụ	72.060	16.499,56	22,9	83,8
1	Thu dịch vụ đo đạc	72.000	16.465,19	22,9	83,8

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện Quý 4/2024	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5 = 4/3	6
2	Thu lãi tiền gửi	60	34,37	57,3	62,8
II	Nộp thuế GTGT, TNDN	7.203	1.648,24	22,9	84,2
1	Thu dịch vụ đo đạc	7.200	1.646,52	22,9	84,3
2	Thu lãi tiền gửi	3,0	1,72	57,3	62,8
III	Số trích để lại sử dụng	64.857,00	14.851,32	22,9	83,7
IV	Số tồn quý trước chuyển sang		30.389,11		88,4
V	Tổng số được sử dụng	64.857,00	45.240,43		86,8
VI	Tiết kiệm 5% theo NQ119		2.139,00		
VII	Chi từ nguồn dịch vụ	31.422,05	7.892,47	25,1	100,3
1	Quỹ lương	14.204,11	3.037,63	21,4	81,2
a	Quỹ lương biên chế	5.875,53	14,02	0,2	0,9
b	Quỹ lương HĐLĐ	8.328,58	3.023,61	36,3	138,3
2	Chi thường xuyên	17.217,94	4.854,84	28,2	117,5
VIII	Chênh lệch thu chi nguồn dịch vụ	33.434,95	35.208,96	105,3	79,6
1	Trích CCTL	333,78	302,78	90,7	68,7
2	Trích các quỹ	33.101,17	34.906,19	105,5	79,7
D	Thu khác (thanh lý TSCĐ)				
1	Thu từ thanh lý TSCĐ		7.965.000		
2	Nộp thuế TNDN		398.250		
3	Số được để lại (Trích quỹ PT HDSN)		7.566.750		
E	Nguồn CCTL tại đơn vị				
1	Số tồn đầu năm		17.731,19		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện Quý 4/2024	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5 = 4/3	6
2	Số trích lập trong năm		586,90		
3	Số sử dụng trong năm		4.771,52		
a	Chi mức lương 310.000 cho viên chức		2.193,78		
b	Chi mức lương 540.000 cho viên chức		1.920,90		
c	Chi chế độ tiền thưởng NĐ73		656,84		
4	Số tồn cuối năm		13.546,57		

Tây Ninh, ngày 11 tháng 02 năm 2025

Kế toán trưởng

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thuần




Trần Quang Khải